CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Alphanam E&C

Ngày 30/09/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.1%	**73.1%**	**52.5%**

DT thuần
Q3/25
1,420
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 154| 12.2%
YoY: ▲ 949| 201%

LN thuần
Q3/25
17.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.80| -13.6%
YoY: ▲ 16.9| 2229%

LN sau thuế
Q3/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.60| -15.7%
YoY: ▲ 13.6| 3488%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.3%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE (TTM)
Q3/25
5.5%
YoY: +/-▲ 1.6%

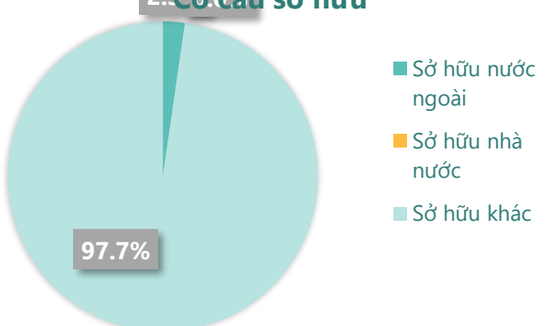
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	587
Số lượng CPLH (CP)	65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,320
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.74
EPS	711
P/E	12.7

DT thuần
9T 2025
3,811
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,785| 88.0%

LN thuần
9T 2025
41.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.3| 280%

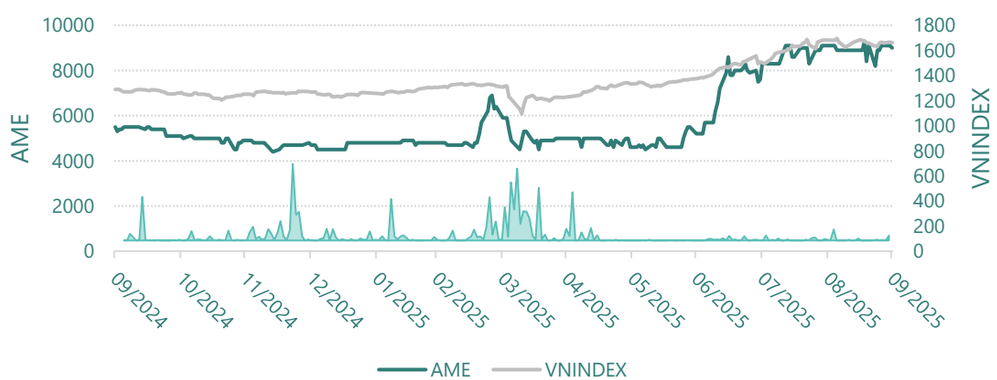
LN sau thuế
9T 2025
32.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.7| 286%

Cơ cấu sở hữu

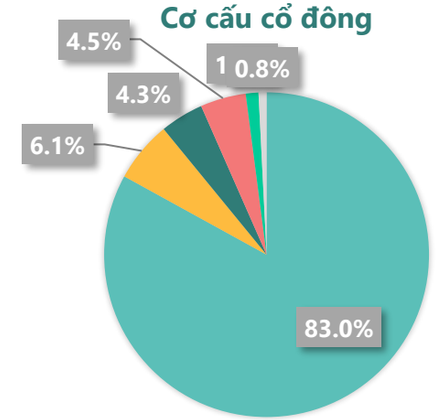


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

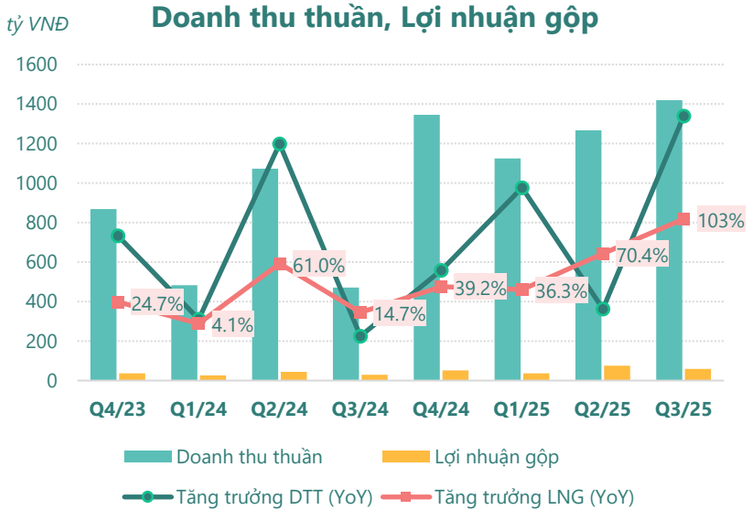


- CTCP Đầu Tư Alphanam
- CTCP Alphanam
- Nguyễn Minh Nhật (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Tetsuji Nagata
- Nguyễn Thu Trang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

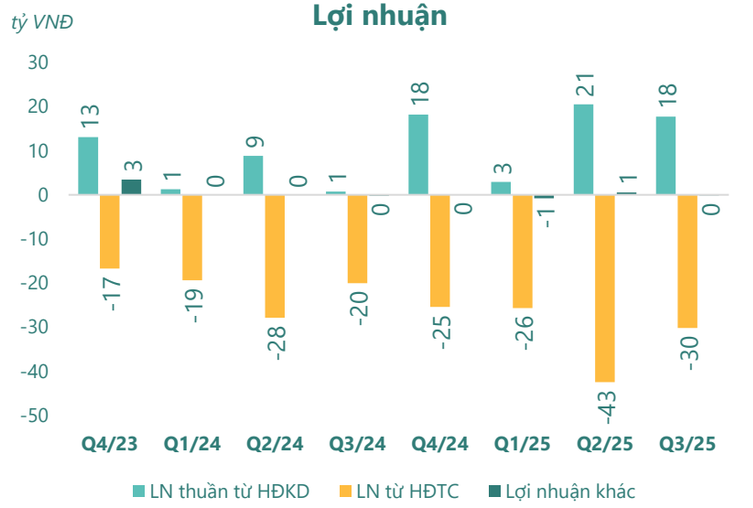
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



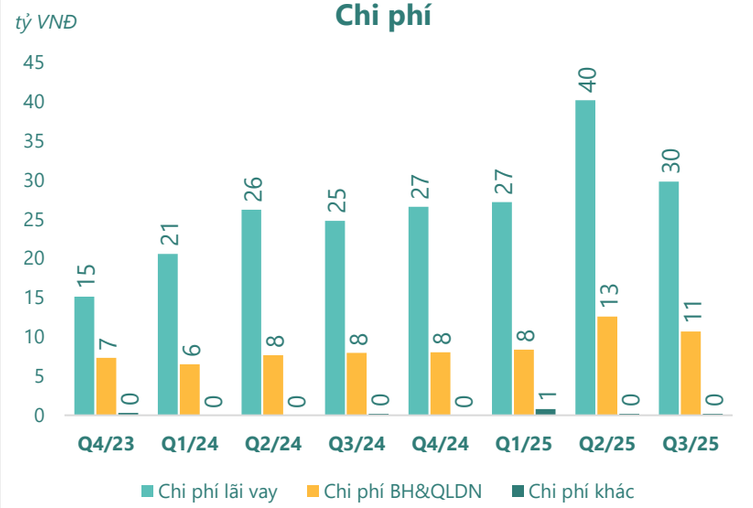
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



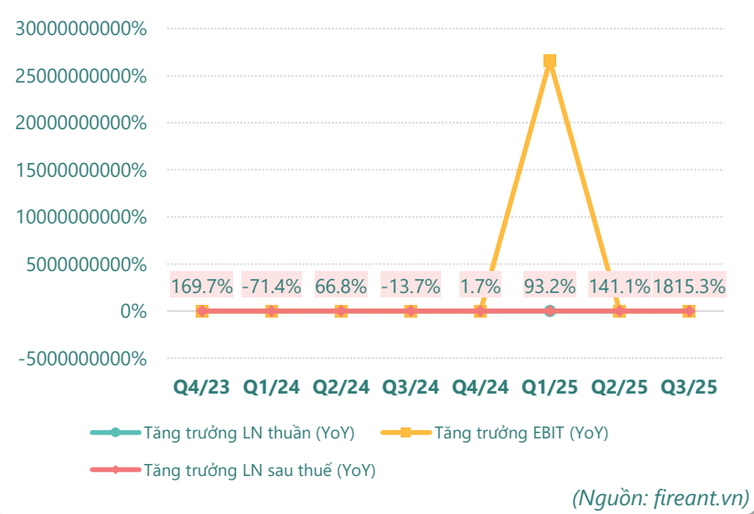
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



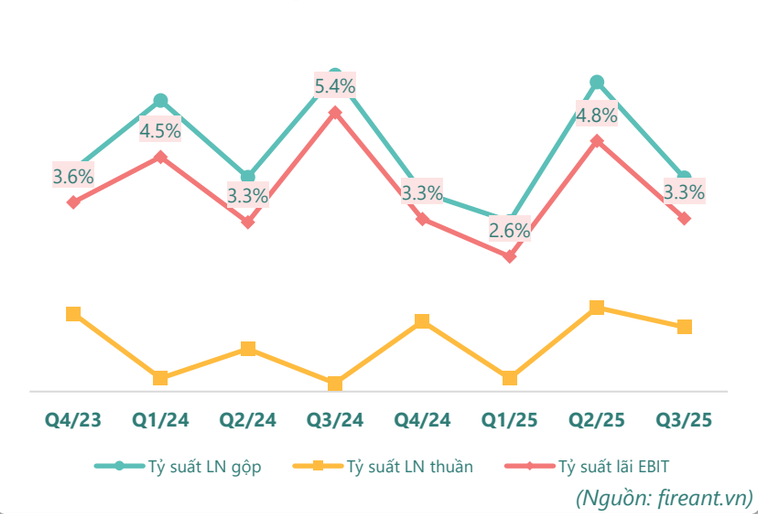
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



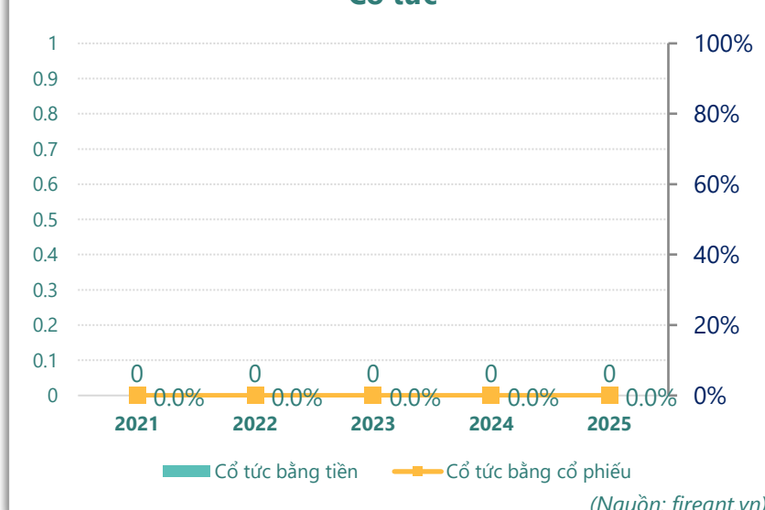
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

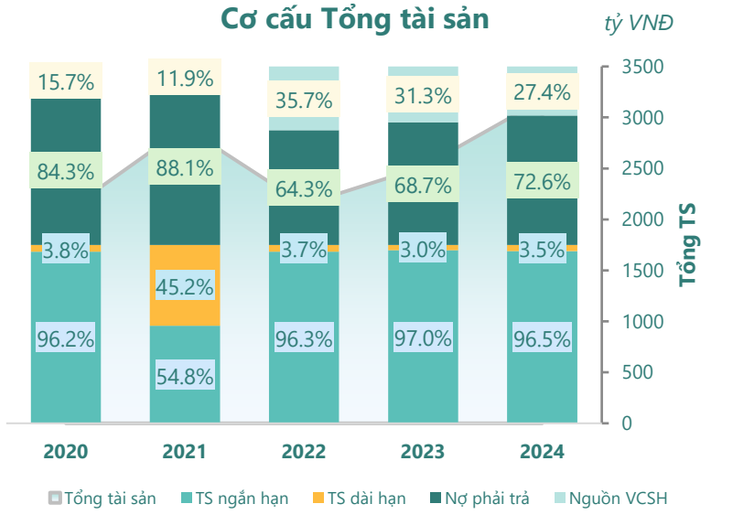
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

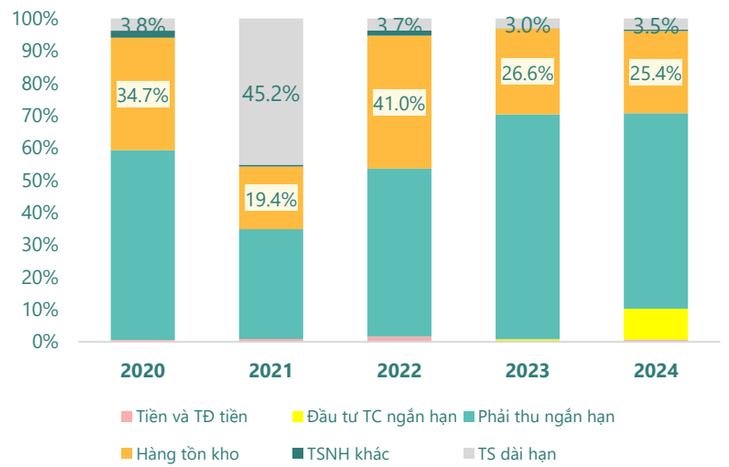
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



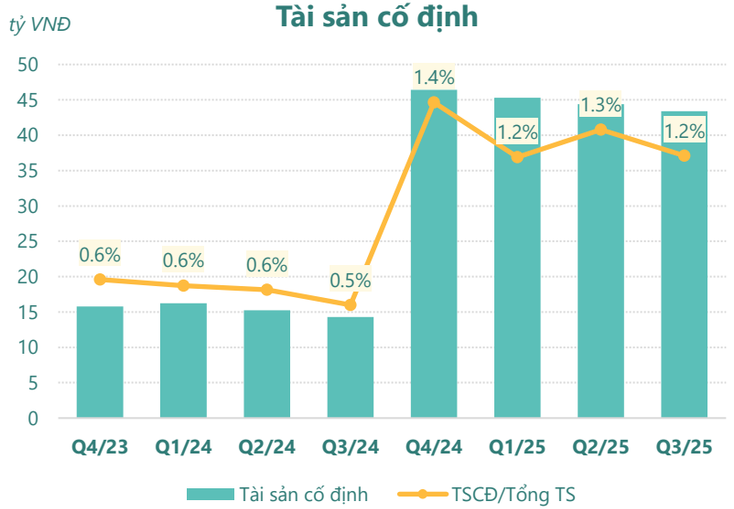
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



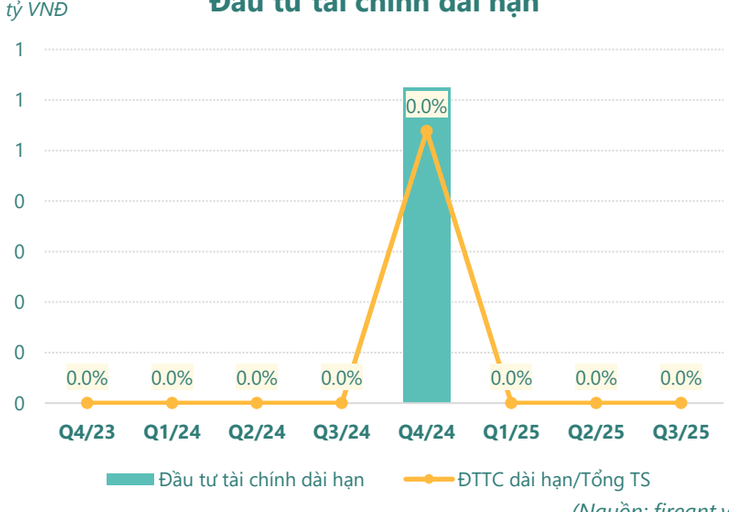
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



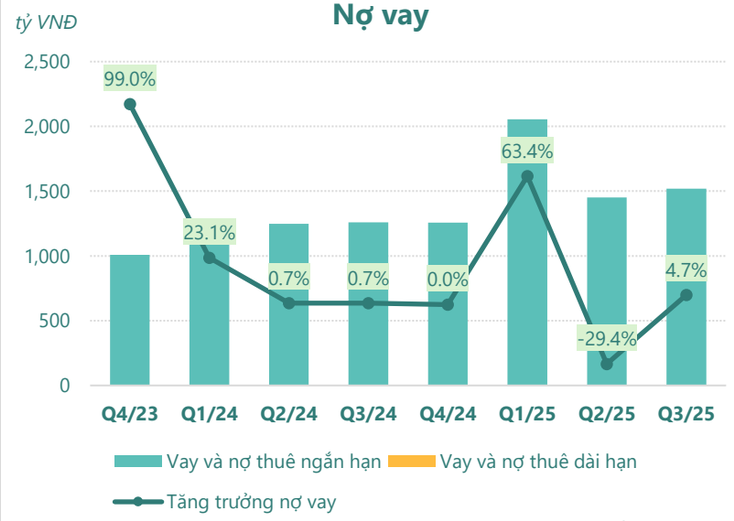
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

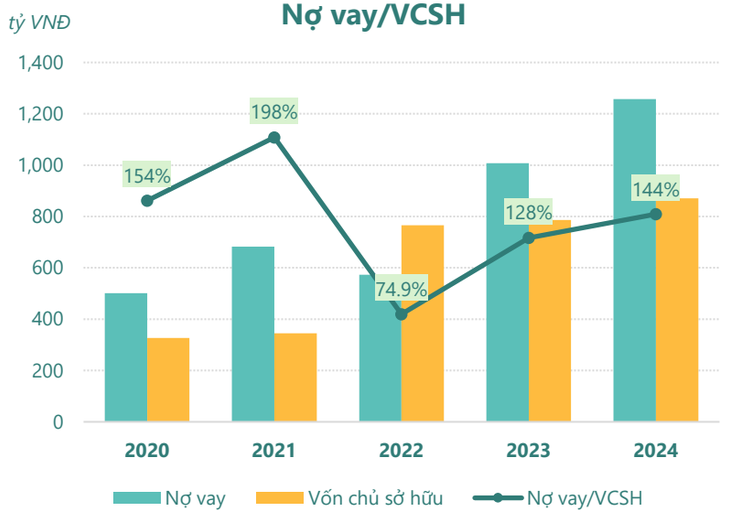
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

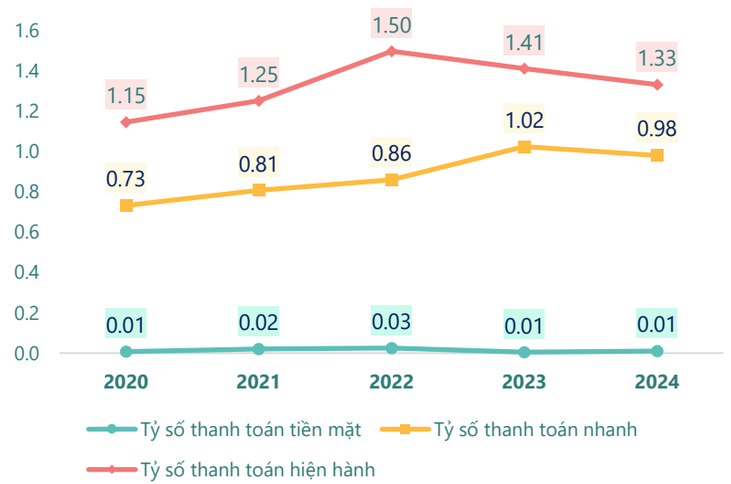
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



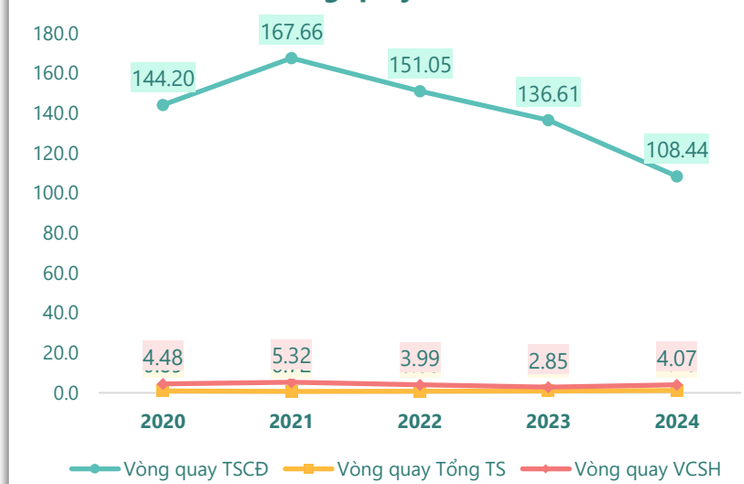
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



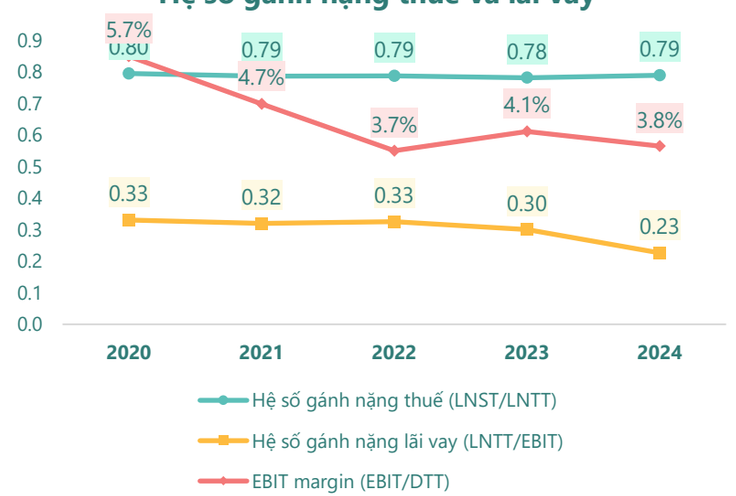
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



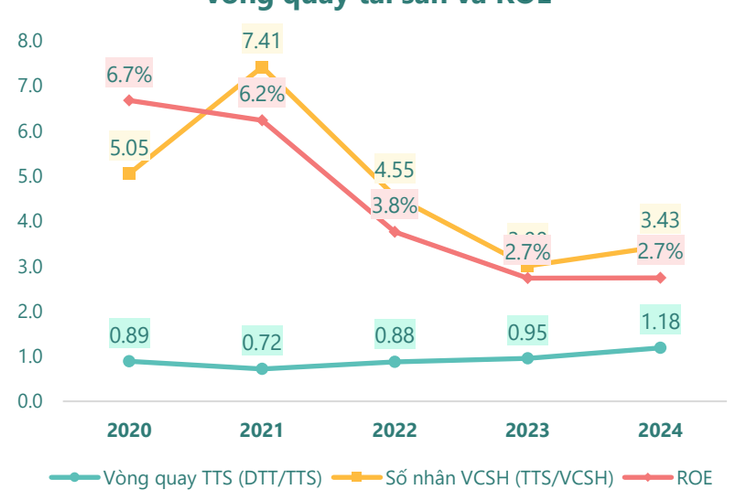
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



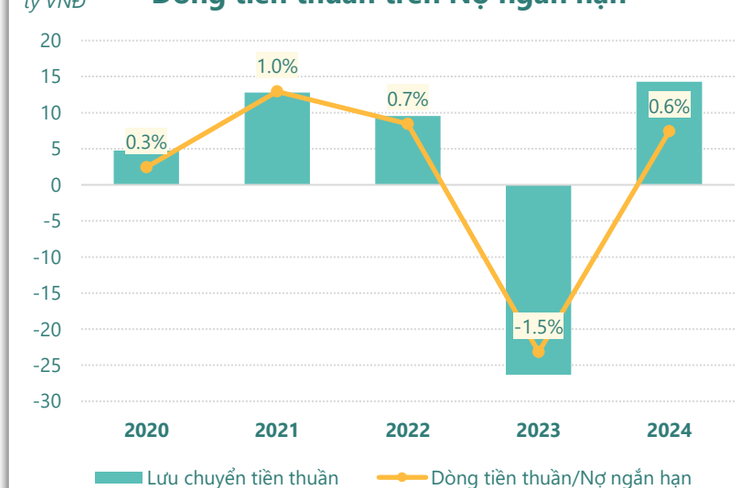
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,420**	**471**	**201%**	**3,811**	**2,026**	**88.0%**
Giá vốn hàng bán	1,361	442	208%	3,640	1,926	89.0%
Lợi nhuận gộp	58.5	28.8	103%	171	100	70.7%
Doanh thu HĐTC	0.05	4.73	-99.0%	1.17	8.21	-85.7%
Chi phí TC	30.2	24.8	21.9%	99.5	75.5	31.7%
Chi phí lãi vay	29.8	24.8	20.3%	97.2	71.6	35.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**10.7**	**7.95**	**34.2%**	**31.6**	**22.1**	**43.2%**
LN thuần từ HĐKD	17.7	0.76	2229%	41.1	10.8	280%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**-0.19**	**26.9%**	**-0.40**	**-0.15**	**-163%**
LN trước thuế	17.6	0.57	2981%	40.7	10.7	282%
Lợi nhuận sau thuế	**14.0**	**0.39**	**3488%**	**32.0**	**8.29**	**286%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.9**	**0.39**	**3463%**	**31.7**	**8.29**	**282%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	112	427	-176	-637	370	-41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-113	-459	117	-112	194	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.21	9.25	56.7	796	-603	46.8
Tiền đầu kỳ	48.1	46.3	24.3	22.9	70.9	32.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.83**	**-22.1**	**-1.99**	**48.0**	**-38.3**	**6.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.3	24.3	22.3	70.9	32.6	39.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,655**	**3,175**	**15.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,550	3,065	15.8%
Tiền và tương đương tiền	39.1	22.9	70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307	301	2.1%
Phải thu ngắn hạn	2,439	1,922	26.9%
Hàng tồn kho	760	806	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.45	13.5	-67.0%
Tài sản dài hạn	**105**	**110**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	43.4	46.4	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**61.9**	**63.2**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,753	2,304	19.5%
Nợ ngắn hạn	**2,752**	**2,303**	**19.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,520	1,258	20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	652	845	-22.8%
Nợ dài hạn	0.41	0.41	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**903**	**871**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**903**	**871**	**3.7%**
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)